

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-4-2023  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuấn Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thiện Đào Duyên.

2. Bà Nguyễn Thị Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 19AA.

Địa chỉ: Số B, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Số Đ, KP E, phường F, thị xã G, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 19II.

Địa chỉ: Số B, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Th và anh L có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L tự tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng trước khi sống chung vợ chồng vào năm 2007, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 08/7/2008 tại UBND Phường 1, thành phố Sa Đéc. Khi sống chung vợ chồng thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn như thường xuyên gây gổ, có những lời nói xúc phạm nhau, có lúc đánh nhau; nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh L không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, mà thường xuyên uống rượu mỗi ngày. Từ tháng 9 – 10/2020 chị Th đi nơi khác sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay.

Nay chị Th nhận thấy không còn tình cảm thương yêu anh L, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn anh L. Những hạn chế, khuyết điểm của anh L thì chị Th có trao đổi, góp ý với anh L nhưng anh L không thay đổi. Trong trường hợp không ly hôn với anh L thì chị Th cũng không về đoàn tụ sống chung vợ chồng với anh L.

- Về nuôi con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Hữu Th1 sinh ngày 23/12/20XX, Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 07/8/20ZZ, Nguyễn Thị Cẩm T1 sinh ngày 28/01/20YY và Nguyễn Hữu Đ1 sinh ngày 12/02/20QQ, hiện cháu T và cháu T1 sống với chị Th, cháu Th1 và cháu Đ1 sống với anh L. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm T1, chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi các cháu T, T1; chị Th đồng ý giao con chung Nguyễn Hữu Th1 và Nguyễn Hữu Đ1 cho anh L nuôi dưỡng, chị Th không cấp dưỡng nuôi cháu Th1, cháu Đ1.

- Về chia tài sản chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

**\* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian tìm hiểu, sống chung vợ chồng, đăng ký kết hôn anh L thống nhất theo lời trình bày của chị Th. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi lúc vợ chồng gây gổ, có lúc đánh nhau; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mỗi tuần anh L uống rượu 03 ngày, từ năm 2020 anh L bị tai nạn giao thông sức khỏe yếu nên không chăm sóc được vợ con. Từ tháng 9 – 10/2020 chị Th đi nơi khác sinh sống (do vợ chồng gây gổ nhau) nên không chăm sóc được cho nhau đến nay. Do chị Th muốn lập gia đình khác nên yêu cầu ly hôn với anh L.

Nay anh L không đồng ý ly hôn chị Th do anh L còn tình cảm thương yêu chị Th, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn.

- Về nuôi con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Hữu Th1 sinh ngày 23/12/20XX, Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 07/8/20ZZ, Nguyễn Thị Cẩm T1 sinh ngày 28/01/20YY và Nguyễn Hữu Đ1 sinh ngày 12/02/20QQ, hiện cháu T và cháu T1 sống với chị Th, cháu Th1 và cháu Đ1 sống với anh L. Trường hợp phải ly hôn anh L yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Hữu Th1, Nguyễn Thị Cẩm T,

Nguyễn Thị Cẩm T1 và Nguyễn Hữu Đ1, anh L không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi các cháu Th1, T, T1 và Đ1.

- Về chia tài sản chung: Anh L xác định không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Anh L xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích Th, cho chị Th ly hôn anh Nguyễn Hữu L.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 07/8/20ZZ, Nguyễn Thị Cẩm T1 sinh ngày 28/01/20YY cho chị Th nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Hữu Th1 sinh ngày 23/12/20XX và Nguyễn Hữu Đ1 sinh ngày 12/02/20QQ cho anh L nuôi dưỡng, chị Th và anh L không cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Th, anh L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Th khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hữu L là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh L chung sống vợ chồng từ năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 08/7/2008 tại UBND Phường 1, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*

Qua Tòa án thu thập chứng cứ là lời khai của chị Th, anh L thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Th và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn như thường xuyên gây gỗ, có những lời lẽ xúc phạm nhau, có lúc đánh nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do cả hai không cùng quan điểm sống, không cảm thông, chia sẻ cho nhau trong công việc cũng như sinh hoạt gia đình; Anh L thường xuyên đi uống rượu, không giành thời gian chăm sóc vợ con. Từ tháng 9 – 10/2020 chị Th đi nơi khác sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay.

Từ đó cho thấy đời sống hôn nhân giữa chị Th, anh L vi phạm nghiêm trọng quy định về tình nghĩa vợ chồng và có những hành vi bạo lực gia đình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”*.

Do chị Th, anh L không thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên đã làm cho tình cảm giữa vợ chồng ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cũng đã động viên, hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng để cùng chăm lo cho các con, nhưng chị Th vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh L.

Chị Th xác định không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh L không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu không được ly hôn với anh L thì chị Th cũng không trở về chung sống vợ chồng với anh L.

Về phía anh L: Không đồng ý ly hôn chị Th vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Th; anh L mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ chung sống với nhau để cùng chăm lo cho các con, nhưng anh L cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị Th.

Từ những phân tích trên cho thấy; tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh L đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vi phạm nghiêm trọng quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không có thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, có hành vi bạo lực gia đình. Nếu chị Th, anh L đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc và chị Th cho rằng cũng sẽ không trở về sống chung vợ chồng với anh L nếu không được ly hôn với anh L. Do đó, xét thấy việc chị Th yêu cầu được ly hôn anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...*

*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.*

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện các cháu Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Thị Cẩm T1 đang có cuộc sống ổn định với chị Th, cháu Nguyễn Hữu Th1 và Nguyễn Hữu Đ1 đang có cuộc sống ổn định với anh L. Chị Th chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, cháu T1 tốt, anh L chăm sóc nuôi dưỡng cháu Th1, cháu Đ1 tốt; ý kiến của cháu T và cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ, cháu Th1 và cháu Đ1 có nguyện vọng được sống chung với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu T, cháu T1 cho chị Th chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Th1, cháu Đ1 cho anh L chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho các cháu trong sinh hoạt, học tập. Chị Th, anh L được quyền tới lui thăm nom chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Th, anh L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con chung sau khi ly hôn trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung:

Về chia tài sản chung khi ly hôn: Do chị Th và anh L xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Do chị Th và anh L xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích Th. Cho chị Nguyễn Thị Bích Th ly hôn anh Nguyễn Hữu L.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị Nguyễn Thị Bích Th được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 07/8/20ZZ và Nguyễn Thị Cẩm T1 sinh ngày 28/01/20YY. Hiện cháu T và cháu T1 đang sống với chị Th.

Anh Nguyễn Hữu L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Hữu Th1 sinh ngày 23/12/20XX và Nguyễn Hữu Đ1 sinh ngày 12/02/20QQ. Hiện cháu Th1 và cháu Đ1 đang sống với anh L.

Chị Nguyễn Thị Bích Th, anh Nguyễn Hữu L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Bích Th, anh Nguyễn Hữu L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con chung trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích Th, anh Nguyễn Hữu L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích Th nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, chị Th đã nộp ngày 22/11/2022 theo biên lai thu số 0001162 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 1, TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Phạm Văn Tuấn Em**